

Bản án số: **97/2025/HS-PT**
Ngày: 10/3/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Trần Đức Kiên**

Các thẩm phán: ông **Đặng Kim Nhân**
 ông **Phùng Anh Dũng**

- Thư ký phiên tòa: bà **Nguyễn Phương Mai**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông **Nguyễn Nam Anh**, Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 03 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 630/2024/TLPT-HS ngày 02 tháng 12 năm 2024 đối với bị cáo **Lê Văn H** về tội “Giết người”.

Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 61/2024/HS-ST ngày 16/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

- Bị cáo có kháng cáo:

Lê Văn H, sinh ngày 11/9/1953 tại tỉnh Phú Yên; nơi cư trú: **khu phố Đ, thị trấn P, huyện P, tỉnh Phú Yên**; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; nghề nghiệp: làm nông; trình độ văn hóa (học vấn): 3/12; con ông **Lê T** (chết) và bà **Võ Thị S** (chết); có vợ **Đoàn Thị T1**, sinh năm 1955 và 03 con, con lớn nhất sinh năm 1981, con nhỏ nhất sinh năm 1996; tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân:

+ Ngày 20/3/1978, bị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Khánh xử phạt 20 tháng tù về tội “*Cướp giật tài sản riêng của công dân*”, chấp hành xong ngày 02/3/1979;

+ Ngày 27/5/2016, bị **Công an huyện P** ra Quyết định xử phạt hành chính 750.000 đồng về hành vi dùng ná cao su và viên sỏi bắn vào người ông **Phạm Ngọc T2** gây thương tích, nộp phạt ngày 06/10/2016;

Bị cáo tại ngoại; vắng mặt và xin hoãn phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo:* ông **Trương Minh T3**, Luật sư Công ty L Luật, đoàn Luật sư thành phố H.

Địa chỉ: 3 B, phường A, quận B, thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt và có đơn xin hoãn phiên tòa.

Ngoài ra còn có bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án nhưng không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Văn H và Phạm Ngọc T2 là hàng xóm của nhau, quá trình sống gần nhau, T2 nhiều lần chửi bới, hăm dọa, đòi đánh gia đình H. Khoảng 16 giờ ngày 11/11/2023, T2 đến nhà H tại khu phố Đ, thị trấn P, huyện P tiếp tục chửi “*lần này tao thử một chiêu với Hùng Đen, tao cho mày khỏi ăn đám cưới luôn, nhà mày cát đẹp nhưng không ở được đâu, nòi đất đổi nòi đồng*” rồi xô ngã cửa cổng, H lấy 01 cái thuổng dài 1,54m, có lưỡi bằng kim loại rộng 11cm, dày 01mm chọt 02 cái trúng cẳng tay phải và cung mày phải của T2; T2 điện thoại cho Phạm Ngọc N (con đẻ của T2) đến. N điều khiển xe mô tô biển số 78N2-7695 chạy vào hiên phía Đông nhà H, thấy H đang ngồi trên ghế, N tông vào H, làm H và N ngã xuống sân, H và N xô xát với nhau, Lê Thành Đ (là con đẻ của H) đến can ngăn. T2 đi vào sân, bị H dùng cái thuổng đánh vào vùng đầu của T2 làm Trọng ngã, N xông vào giật cái thuổng trên tay H đánh 01 cái vào vùng đầu của H.

Hậu quả: T2 bị vết thương bong bản sọ ngoài trán trái, phù nề mô mềm trán trái có kích thước (12x1x0,5)cm; vết thương cung mày phải có kích thước diện (1x0,5x0,5)cm; vết thương cẳng tay phải có kích thước diện (3x1x0,5)cm. H bị vết thương hình cánh cung trước đầu bên trái kích thước (08 x 0,2)cm.

Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 09 ngày 16/01/2024 của Trung tâm Pháp y tỉnh P kết luận: Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Phạm Ngọc T2 tại thời điểm giám định là 17%, do vật có cạnh tác động.

Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 73 ngày 05/3/2024 của Trung tâm Pháp y tỉnh P kết luận: Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Lê Văn H tại thời điểm giám định là 05%, do vật có cạnh + vật tày tác động.

Kết luận giám định pháp y tâm thần số 145 ngày 10/7/2024 của Trung tâm P, kết luận: Trước, trong, sau khi xâm hại đến sức khỏe ngày 11/11/2023 và hiện tại (tại thời điểm giám định), Phạm Ngọc T2: Hạn chế khả năng nhận thức và hạn chế khả năng điều khiển hành vi.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 61/2024/HS-ST ngày 16/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên quyết định: tuyên bố bị cáo **Lê Văn H** phạm tội “*Giết người*”.

Áp dụng khoản 2 Điều 123; điểm b, e, o, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm k khoản 1 Điều 52; Điều 54; Điều 15; khoản 3 Điều 57 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: bị cáo **Lê Văn H** 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 24/9/2024, bị cáo **Lê Văn H** có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo **Lê Văn H** và người bào chữa cho bị cáo đều vắng mặt và có đơn xin hoãn phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 351 của Bộ luật Tố tụng hình sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị cáo và người bào chữa cho bị cáo; về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo; giữ nguyên hình phạt của bản án sơ thẩm đối với bị cáo **Lê Văn H**.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

Ngày 24/9/2024, bị cáo **Lê Văn H** kháng cáo Bản án hình sự sơ thẩm số 61/2024/HS-ST ngày 16/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo, đơn kháng cáo của bị cáo trong thời hạn quy định tại Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do vậy, Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo **Lê Văn H** và người bào chữa cho bị cáo vắng mặt và xin hoãn phiên tòa. Tuy nhiên, phiên tòa phúc thẩm đã được đưa ra xét xử 03 lần, bị cáo đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 351 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị cáo và người bào chữa cho bị cáo như đề nghị của Kiểm sát viên.

[2]. Xét kháng cáo của bị cáo **Lê Văn H, Hội đồng xét xử thấy rằng:**

[2.1]. Bị cáo thừa nhận hành vi và tội danh như Tòa án cấp sơ thẩm xét xử là đúng người, đúng tội. Lời khai nhận tội của bị cáo **Lê Văn H** trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng cũng như các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định: khoảng 16 giờ ngày 11/11/2023, tại nhà của **Lê Văn H** thuộc **khu phố Đ, thị trấn P, huyện P, tỉnh Phú Yên**, ông **Phạm Ngọc T2** đã có hành vi chửi bới và xô ngã cửa công nhà **H**, hai

bên xảy ra xô xát thì H dùng cây thuổng, có phần lưỡi bằng kim loại đánh vào vùng đầu làm bong bản sọ ngoài trán trái ông Phạm Ngọc T2, gây thương tích tỉ lệ 17% .

Bị cáo đủ năng lực để nhận thức được hành vi dùng cây thuổng có lưỡi bằng kim loại đánh vào vùng đầu trên cơ thể bị hại có thể gây chết người nhưng bị cáo vẫn cố tình thực hiện, việc bị hại không chết là do được cấp cứu kịp thời và nằm ngoài ý muốn chủ quan của bị cáo. Với hành vi trên, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xét xử bị cáo về tội “*Giết người*”, tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều 123 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2.2]. Hành vi của bị cáo là nghiêm trọng, trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe, tính mạng của người khác một cách trái pháp luật, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự, trị an tại địa phương. Bản thân bị cáo đã từng bị xử lý hành chính về hành vi gây thương tích khi dùng ná cao su và viên sỏi bắn vào chính người bị hại Phạm Ngọc T2; trước đó, bị cáo đã từng bị truy cứu trách nhiệm hình sự về hành vi cướp giật tài sản. Bị cáo không lấy đó làm bài học kinh nghiệm để tu dưỡng, rèn luyện bản thân mà còn tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội với tính chất tương tự đối với bị hại Phạm Ngọc T2, trong khi bị cáo biết rõ ông T2 là người bị hạn chế năng lực hành vi, có bệnh tâm thần, thường xuyên cời đồ đi ngoài đường nhưng không được gia đình quản lý, theo dõi. Do đó, Hội đồng xét xử thấy cần phải áp dụng mức hình phạt đủ nghiêm khắc, cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đảm bảo cải tạo, giáo dục bị cáo cũng như răn đe, phòng ngừa chung.

[2.3]. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội đối với người bị hạn chế khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm k khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Tuy nhiên, bị cáo là người lớn tuổi (trên 70 tuổi); phạm tội vì bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của bị hại gây ra; bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tích cực bồi thường 245.000.000 đồng để khắc phục toàn bộ hậu quả cho bị hại. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, e, o, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng cho bị cáo. Ngoài ra, bị cáo còn được xem xét các tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, gồm: bị cáo được bị hại và đại diện hợp pháp của bị hại xin giảm nhẹ hình phạt; bản thân bị cáo cũng bị con của bị hại là Phạm Ngọc N đánh gây thương tích, tỷ lệ 05%, nhưng tự nguyện làm đơn không yêu cầu xử lý trách nhiệm hình sự đối với N; quá trình sinh sống tại địa phương có thành tích xuất sắc trong 15 năm thực hiện phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá”, nhiều lần được Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thị trấn P tặng Giấy khen; bị cáo có cha, mẹ, vợ, anh ruột là người có công với cách mạng được Nhà nước tặng Huy chương kháng chiến hạng Ba, Kỷ niệm chương; các con của bị cáo được nhiều cấp, ngành tặng Bằng khen; bị cáo phạm tội thuộc trường hợp “*phạm tội chưa đạt*”.

[2.4]. Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ, hậu quả mà hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, cũng như xem xét đúng và đầy đủ các tình

tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo khi lượng hình và áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự, tuyên phạt bị cáo 01 năm tù là đã chiếu cố, cân nhắc đối với bị cáo cũng như thể hiện chính sách nhân đạo, khoan hồng của pháp luật.

Tại cấp phúc thẩm, bị cáo **Lê Văn H** kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không có tình tiết giảm nhẹ mới có ý nghĩa nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo của bị cáo.

[3]. Án phí hình sự phúc thẩm: bị cáo **Lê Văn H** được miễn.

[4]. Các phần quyết định khác còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Lê Văn H**; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 61/2024/HS-ST ngày 16/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên về hình phạt đối với bị cáo.

2. Áp dụng khoản 2 Điều 123; điểm b, e, o, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm k khoản 1 Điều 52; Điều 54; Điều 15; khoản 3 Điều 57 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: bị cáo **Lê Văn H** 01 (một) năm tù về tội “*Giết người*”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

3. Về án phí hình sự phúc thẩm: áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm án phí, lệ phí Tòa án;

Bị cáo **Lê Văn H** được miễn án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao - Vụ GDKT I;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Sở Tư pháp tỉnh Phú Yên;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Yên;
- Cơ quan CSĐT, Phòng HSNV-CA tỉnh Phú Yên;
- Cơ quan CSTHAHS-CA tỉnh Phú Yên;
- Bị cáo;
- Lưu: HSVA; LT; phòng HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÃ KÝ

Trần Đức Kiên